

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HSST  
Ngày: 30-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mộng Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Pháp và ông Lê Văn Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

**Đào Thị S**, sinh năm 1965, nơi sinh và nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Đào H (chết) và bà Nguyễn Thị Đ (chết); có 03 anh; Chồng: Nguyễn Văn P (chết), có 01 con sinh năm 1984; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 27/01/2022 bị Công an xã H, huyện T xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1963, vắng mặt

2. Lê Thị Bích T, sinh năm 1969, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

3. Lương Thị L1, sinh năm 1955; Trú tại: 10 đường P, phường 1, TP T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin vắng mặt.

*\* Người làm chứng:* Trương Bình K, sinh năm 1954; trú tại: 10 đường P, phường 1, TP T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ 30 ngày 12/4/2022, Nguyễn Thị L và Lương Thị L1 đến chơi tại nhà của Lê Thị Bích T ở thôn M, xã H, huyện T. Sau đó, T, L, L1 cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh bài tiến lên được thua bằng tiền, mỗi ván từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng. T lấy ra một bộ bài Tây 52 lá. Chơi được một lúc thì Đào Thị S, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, điều khiển xe mô tô biển số 78F1-052.26 đến nhà T. Thấy mọi

người đang chơi đánh bài nên S cũng vào chơi. S chơi một lúc thì bị thua số tiền 10.000 đồng thì nghỉ, đi bộ qua nhà bên cạnh để mua bánh tráng, còn 03 người tiếp tục chơi thì bị Công an xã H kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 130.000 đồng, 01 bộ bài Tây 52 lá, 01 đĩa sứ, 01 xe mô tô biển số 78F1-052.26, 01 điện thoại Samsung Galaxy A03S và L giao nộp số tiền 2.655.000 đồng. Qua điều tra, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 965.000 đồng (L 595.000 đồng, T 100.000 đồng, L1 150.000 đồng, S 120.000 đồng).

Về vật chứng, đồ vật tạm giữ: Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 130.000 đồng và thu giữ trên người bị cáo S, bà L, bà T, bà L1 số tiền dùng để đánh bạc 835.000 đồng; 01 bộ bài Tây 52 lá; 01 đĩa sứ; 01 xe mô tô biển số 78F1-052.26. Đã trả lại cho bà T 01 điện thoại Samsung Galaxy A03S và trả cho bà L số tiền không dùng để đánh bạc là 2.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 27/CT-VKSTH ngày 29 tháng 8 năm 2022, VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Đào Thị S về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

### **Tại phiên tòa:**

Bị cáo Đào Thị S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của VKSND huyện T truy tố là đúng, không oan. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết định khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên cáo trạng, đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã H nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy công cụ đánh bạc; trả lại xe mô tô cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã lấy lời khai đầy đủ, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Đào Thị S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 ngày 12/4/2022 tại nhà của Lê Thị Bích T ở thôn M, xã H, huyện T, Đào Thị S đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài tiến lên cùng Nguyễn Thị L, Lương Thị L1 và Lê Thị Bích T, thì bị Công an xã H phát hiện bắt quả tang với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 965.000 đồng. Mặc dù, số tiền dùng để đánh bạc dưới 5.000.000đ, nhưng tháng 01/2022, bị cáo S đã bị Công an xã H, huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, nên hành vi của bị cáo lần này đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng VKSND huyện T truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo S là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng trật tự trị an trên địa bàn. Do đó, phải xử nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, nên cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo tốt.

[5] Xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 36 BLHS phạt bị cáo cải tạo không giam giữ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Xét bị cáo không có việc làm ổn định, có hoàn cảnh khó khăn, nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

[6] *Về vật chứng, đồ vật tạm giữ:*

Đã trả lại cho bà T 01 điện thoại Samsung Galaxy A03S và trả cho bà L số tiền không dùng để đánh bạc là 2.000.000 đồng nên không xét.

Đối với 01 bộ bài Tây 52 lá, 01 đĩa sứ là công cụ đánh bạc nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 965.000 đồng là số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô biển số 78F1-052.26, bị cáo không sử dụng xe để đến nhà bà T với mục đích đánh bạc, không hứa hẹn đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Đối với Nguyễn Thị L, Lương Thị L1 và Lê Thị Bích T có hành vi đánh bạc trái phép với số tiền dưới 5.000.000 đồng nhưng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên hành vi không cấu thành tội phạm. Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 1.250.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố bị cáo Đào Thị S phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:**

1. Phạt bị cáo **Đào Thị S 06 (sáu) tháng** cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện T nơi bị cáo S cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đào Thị S cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên nơi bị cáo S cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo S.

2. Về vật chứng vụ án, đồ vật tạm giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài Tây 52 lá, 01 đĩa sù.

Trả lại cho bị cáo S 01 xe mô tô biển số 78F1-052.26.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/8/2022 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên).*

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 965.000 đồng theo Biên bản giao nhận tài sản ngày 04/7/2022 và ngày 09/7/2022 giữa Công an huyện T và Kho bạc nhà nước huyện T.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Đào Thị S phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Công an huyện Tây Hòa;
- CCTHADS huyện Tây Hòa;
- Đương sự;
- Lưu án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Mộng Tuyền**

